

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22810501] - Năng lượng tái tạo
(CCQ2306A)

CBGD: Đào Thành Sung (280015)

Số SV có mặt: 13

Số bài thi: 13

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123060211	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	16/12/2005	CCQ2306A		Ánh	7,3	8,0	7,7
2	2123060105	Nguyễn Hữu	Bách	17/10/2005	CCQ2306A		Bách	7,0	8,0	7,6
3	2123060183	Võ Thái	Bình	02/01/2005	CCQ2306A		Bình	7,3	7,5	7,4
4	2123060025	Hoàng Ngọc	Bộ	29/11/2005	CCQ2306A		Bộ	7,3	7,5	7,4
5	2123060038	Tân Ngọc Thanh	Châu	29/07/2005	CCQ2306A		Châu	7,3	7,0	7,1
6	2123060096	Nguyễn Quốc	Chiến	28/01/2004	CCQ2306A		Chiến	7,8	8,5	8,2
7	2123060012	Nguyễn Văn	Công	03/12/2005	CCQ2306A		Công	8,0	8,5	8,3
8	2123060050	Cao Thành	Danh	23/11/2005	CCQ2306A		Danh	7,5	7,0	7,2
9	2123060113	Nguyễn Tấn	Đạt	23/06/2005	CCQ2306A		Đạt	7,0	8,0	7,6
10	2123060119	Huỳnh Văn	Đức	07/03/2005	CCQ2306A		Đức	7,5	8,5	8,1
11	2123060001	Vòng Tuấn	Dũng	09/11/1999	CCQ2306A		Vàng			
12	2123060108	Võ Trần Đông	Duy	11/06/2005	CCQ2306A		Vàng			
13	2122180021	Lê Hoàng Phúc	Hậu	19/03/2004	CCQ2218A		Vàng			
14	2123060193	Đặng Cao	Hiếu	22/09/2004	CCQ2306A		Hiếu	6,5	7,0	6,8
15	2123060224	Phạm Việt	Hoàng	27/12/2005	CCQ2306A		Hoàng	8,3	9,0	8,7
16	2123060208	Thái Nhật	Hoàng	09/07/2005	CCQ2306A		Đ	5,5	6,0	5,8
17	2121060032	Nguyễn Hoàng	Huân	17/09/2002	CCQ2106A		Vàng			
18	2122180020	Nguyễn	Huỳnh	10/05/2004	CCQ2218A		Vàng			
19	2122180034	Nguyễn Thái	Khênh	29/08/2003	CCQ2218A		Vàng			
20	2122180053	Nguyễn Tấn	Nghĩa	18/12/2003	CCQ2218B		Vàng			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22810502] - Năng lượng tái tạo
(CCQ2306A)

CBGD: Đào Thành Sung (280015)

Số SV có mặt: 17
Số bài thi: 17
Số tờ giấy thi:


Đào Thành Sung
N.K.SINEM


Đào Thành Sung
N.K.SINEM


Đào Thành Sung
N.K.SINEM


Đào Thành Sung
N.K.SINEM

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121180092	Hồ Sĩ An	27/03/2003	CCQ2118C					
2	2123060225	Trương Thiên Hậu	23/08/2004	CCQ2306A		Hau	5,5	6,0	5,8
3	2123060182	Nguyễn Văn Hùng	27/12/2002	CCQ2306A		Hung	8,0	9,0	8,6
4	2123060173	Hoàng Lưu Tấn Huy	04/04/2005	CCQ2306A		Huy	8,3	8,5	8,4
5	2122060057	Nguyễn Nhật Huy	06/03/2004	CCQ2206B		Hu	5,5	5,5	5,5
6	2123060127	Đặng Anh Khoa	15/08/2004	CCQ2306A		Chau	7,0	8,0	7,6
7	2123060210	Ngọc Văn Nghị	01/04/2005	CCQ2306A		Nghị	8,0	9,0	8,6
8	2122180013	Nguyễn Văn Nghĩa	27/05/2004	CCQ2218A					
9	2123060086	Hồ Văn Nhuận	01/10/2005	CCQ2306A		Nhuân	7,3	7,5	7,4
10	2123060200	Lê Văn Phi	30/10/2005	CCQ2306A		Phi	7,0	7,0	7,0
11	2123060065	Hoàng Công Phong	13/04/2005	CCQ2306A		Ph	8,3	8,5	8,4
12	2123060177	Đàm Quang Phú	19/05/2005	CCQ2306A		Phu	7,3	7,5	7,4
13	2123060002	Hồ Hoàng Phúc	12/03/2005	CCQ2306A		Phuc	6,5	7,0	6,8
14	2123060080	Lê Mạnh Quỳnh	16/07/2005	CCQ2306A		Quynh	0,0	5,0	3,0
15	2123060022	Lê Hoàng Thắng	11/01/2005	CCQ2306A		Thong	7,5	7,5	7,5
16	2123060201	Phạm Quang Thành	08/12/2005	CCQ2306A		Pho	7,0	7,0	7,0
17	2123060192	Nguyễn Duy Thiện	03/05/2004	CCQ2306A		Thien	7,3	7,0	7,1
18	2123060175	Nguyễn Văn Thịnh	07/01/2005	CCQ2306A					
19	2123060214	Nguyễn Thành Tín	26/09/2003	CCQ2306A		Tin	8,3	9,0	8,7
20	2123060013	Nguyễn Xuân Vũ	06/12/2005	CCQ2306A		Vu	7,0	7,5	7,3